

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ...

Chủ doanh nghiệp tư nhân:

Họ và tên: ...

Giới tính: ...

Sinh ngày: ... / ... / ...

Dân tộc: ...

Quốc tịch: ...

Giấy chứng minh nhân dân số: ...

Ngày cấp: .../.../..., Nơi cấp: ...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ...

Chỗ ở hiện tại: ...

Điện thoại: ...

Fax: ...

Email: ...

Website: ...

Quyết định thành lập Doanh nghiệp tư nhân ... (dưới đây gọi tắt là doanh nghiệp) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (dưới đây gọi tắt là Luật Doanh nghiệp) và Điều lệ này với các điều khoản sau đây:

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Phạm vi trách nhiệm

Chủ doanh nghiệp tư chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.

Chủ doanh nghiệp không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên công ty hợp danh.

Doanh nghiệp không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

Điều 2. Tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: ...

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Anh: ...

Tên doanh nghiệp viết tắt: ...

Điều 3. Trụ sở của doanh nghiệp

Trụ sở chính của doanh nghiệp đặt tại: ...

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh

Stt, tên ngành, mã ngành

...

Điều 5. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của doanh nghiệp là ... năm, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc kéo dài thêm thời gian hoạt động theo quyết định của chủ doanh nghiệp hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật

Chủ doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Chức vụ: Giám đốc.

CHƯƠNG II

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP

Điều 7. Vốn đầu tư

Vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp là: ... VNĐ (Bằng chữ: ...). Trong đó;

Vốn bằng Đồng Việt Nam là: ...;

Ngoại tệ tự do chuyển đổi: ...;

Vàng: ...;

Các tài sản khác: ...

(Ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản).

Toàn bộ vốn và tài sản kể cả vốn vay và tài sản thuê được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được ghi chép đầy đủ vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thay đổi vốn đầu tư

Trong quá trình hoạt động, chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư của mình vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tăng hoặc giảm vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp phải được ghi chép đầy đủ vào sổ kế toán. Trường hợp giảm vốn đầu tư xuống thấp hơn vốn đầu tư đã đăng ký thì chủ doanh nghiệp tư nhân chỉ được giảm vốn sau khi đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý

Chủ doanh nghiệp.

Giám đốc.

Điều 10. Chủ doanh nghiệp

Chủ doanh nghiệp có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Chủ doanh nghiệp tư nhân là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp.

Điều 11. Giám đốc

Chủ doanh nghiệp có thể trực tiếp hoặc thuê người khác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

Trường hợp chủ doanh nghiệp thuê người khác làm Giám đốc quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp thì vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 12. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý doanh nghiệp

Người quản lý doanh nghiệp được hưởng thù lao hoặc tiền lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Chủ doanh nghiệp quyết định mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc doanh nghiệp.

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý doanh nghiệp được tính vào chi phí hoạt động theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật có liên quan và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của doanh nghiệp.

Điều 13. Cho thuê doanh nghiệp

Chủ doanh nghiệp có quyền cho thuê toàn bộ doanh nghiệp của mình nhưng phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao hợp đồng cho thuê có công chứng đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hợp đồng cho thuê có hiệu lực thi hành. Trong thời hạn cho thuê, chủ doanh nghiệp tư nhân vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật với tư cách là chủ sở hữu doanh nghiệp. Quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu và người thuê đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được quy định trong hợp đồng cho thuê.

Điều 14. Bán doanh nghiệp

Chủ doanh nghiệp có quyền bán doanh nghiệp của mình cho người khác.

Sau khi bán doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp vẫn phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp phát sinh trong thời gian trước ngày chuyển giao doanh nghiệp, trừ trường hợp người mua, người bán và chủ nợ của doanh nghiệp có thỏa thuận khác.

Người bán, người mua doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động.

Người mua doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Điều 15. Năm tài chính

Năm tài chính của doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của doanh nghiệp sẽ bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm đó.

Điều 16. Sổ sách kế toán, báo cáo tài chính

Sổ sách kế toán của doanh nghiệp đều mở đầy đủ và giữ đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Cuối mỗi năm tài chính, doanh nghiệp sẽ lập bản báo cáo tài chính để trình cho chủ sở hữu xem xét.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp sẽ được gửi đến cơ quan thuế, cơ quan đăng ký hoạt động và cơ quan thống kê có thẩm quyền.

CHƯƠNG V

THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

VÀ THANH LÝ TÀI SẢN

Điều 17. Thành lập

Doanh nghiệp được thành lập sau khi điều lệ này được chủ doanh nghiệp chấp thuận và cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Mọi phí tổn liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp đều được ghi vào mục chi phí của doanh nghiệp và tính hoàn giảm vào chi phí của năm tài chính đầu tiên.

Điều 18. Tổ chức lại

Doanh nghiệp có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn theo quyết định của chủ doanh nghiệp nếu đủ các điều kiện sau đây:

Có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Doanh nghiệp;

Chủ doanh nghiệp phải là chủ sở hữu công ty (đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu) hoặc thành viên (đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên);

Chủ doanh nghiệp cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;

Chủ doanh nghiệp có thỏa thuận bằng văn bản với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó;

Chủ doanh nghiệp cam kết bằng văn bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp.

Điều 19. Giải thể

1. Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
2. a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ doanh nghiệp mà không có quyết định gia hạn;
3. b) Theo quyết định của chủ doanh nghiệp;
4. c) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.
5. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 20. Thanh lý tài sản

Đối với tài sản của doanh nghiệp, khi không có nhu cầu tiếp tục sử dụng hoặc chuyển nhượng cho cá nhân, tổ chức khác hoặc doanh nghiệp giải thể, phá sản thì phải thực hiện thủ tục thanh lý tài sản.

Giám đốc doanh nghiệp căn cứ kết quả kiểm kê, quá trình theo dõi sử dụng tài sản, yêu cầu bộ phận quản lý tài sản lập tờ trình đề nghị chủ doanh nghiệp quyết định việc thanh lý tài sản.

Giám đốc doanh nghiệp căn cứ quyết định thanh lý tài sản của chủ doanh nghiệp thành lập hội đồng thanh lý tài sản, quyết định việc thanh lý tài sản theo trình tự thủ tục và quy định của pháp luật.

Giám đốc doanh nghiệp tổ chức thực hiện việc thanh lý tài sản và báo cáo kết quả thanh lý tài sản cho chủ doanh nghiệp.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan đăng ký hoạt động cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 22. Điều khoản cuối cùng

Những vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp không được nêu trong điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan điều chỉnh.

Trong trường hợp điều lệ này có điều khoản trái pháp luật hoặc dẫn đến việc thi hành trái pháp luật, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được chủ doanh nghiệp xem xét sửa đổi.

Khi muốn sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ này, chủ doanh nghiệp sẽ xem xét, quyết định.

Điều lệ này đã được chủ doanh nghiệp xem xét từng chương, điều và ký tên xác nhận dưới đây.

Điều lệ gồm 6 chương 22 điều, được lập thành ... bản có giá trị như nhau.

Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của chủ doanh nghiệp./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2024

CHỦ DOANH NGHIỆP

(Chữ ký, họ tên)

...